

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2017/DS – ST
Ngày 03 tháng 4 năm 2017
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Oánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Ông Kim Thái Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 333/2016/TLST – DS ngày 14 tháng 10 năm 2016 về việc “Tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 02 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST – DS ngày 03 tháng 3 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH H

Địa chỉ: đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà L (vắng mặt)

Địa chỉ : đường H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông T (vắng mặt)

Địa chỉ: đường BT, phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Công ty TNHH H có ông P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/7/2014 bà L ký Giấy bảo lãnh trách nhiệm vật chất và trách nhiệm tài sản, nội dung xin bảo lãnh và chịu toàn bộ trách nhiệm về tài sản và các khoản nợ của ông T trong quá trình làm việc tại công ty TNHH H.

Tại bản xác nhận công nợ, ông T ký xác nhận tính đến ngày 15/12/2014 có nợ công ty số tiền 19.692.840 đồng.

Công ty TNHH H đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số nợ nhưng ông T không thanh toán và hiện nay công ty tìm ông T nhưng không gặp.

Nay công ty TNHH H yêu cầu bà L phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là trả cho công ty TNHH H các khoản nợ của ông T là 21.168.000 đồng (gốc là 19.692.840 đồng, lãi phát sinh là 1.476.000 đồng)

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông P có đơn xin xét xử vắng mặt do bận đi công tác và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là trả cho công ty TNHH H các khoản nợ của ông Nguyễn Tài là 21.168.000 đồng, cụ thể:

Tiền gốc là 19.692.840 đồng.

Lãi phát sinh tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31.7.2016 là 19.692.840 đồng x 19 tháng x 9%/năm = 1.476.000 đồng

- Bị đơn bà L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không đến Tòa để ghi lời khai, hòa giải và không cung cấp bất kỳ chứng cứ cho việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình. Do đó, Tòa án làm thủ tục tổng đạt và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. **Căn cứ vào Điều 361, 362, 363, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của công ty TNHH H. Bà L có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền 21.168.000 đồng (gốc là 19.692.840 đồng, lãi phát sinh là 1.476.000 đồng) ngay khi bản án có hiệu lực.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 05/8/2016 của Công ty TNHH H khởi kiện bà L yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh các khoản nợ của ông T là tranh chấp về bảo lãnh quy định tại Điều 361 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Mặt khác, bị đơn bà L có địa chỉ cư trú tại đường H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào “Giấy bảo lãnh trách nhiệm vật chất và trách nhiệm tài sản ngày 09/7/2014 của bà L” thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: Công ty TNHH H tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, bà L với tư cách là bị đơn, ông T với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn bà L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T: Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập đương sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177, Điều 208. khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà L và ông T vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Xét yêu cầu của công ty TNHH H yêu cầu bà L phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là trả cho công ty TNHH H các khoản nợ của ông T là 21.168.000 đồng (gốc là 19.692.840 đồng, lãi phát sinh là 1.476.000 đồng):

Căn cứ vào “Giấy bảo lãnh trách nhiệm vật chất và trách nhiệm tài sản ngày 09/7/2014 của bà L”; “Bản xác nhận công nợ của ông T” do nguyên đơn công ty TNHH H cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại “Giấy bảo lãnh trách nhiệm vật chất và trách nhiệm tài sản ” do bà L ký ngày 09/7/2014, có nội dung “... Tôi xin bảo lãnh và chịu toàn bộ trách nhiệm về tài sản và các khoản nợ của ông T trong quá trình làm việc tại công ty TNHH H ...” và tại “Bản xác nhận công nợ” của ông T ký xác nhận tính đến ngày 15/12/2014 ông T còn nợ công ty TNHH H số tiền là 19.692.840 đồng.

Do đó, có căn cứ xác định bà L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh về việc chịu toàn bộ trách nhiệm về tài sản và các khoản nợ của ông T theo quy định tại Điều 361, 362 và Điều 363 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 05/8/2016 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nguyên đơn công ty TNHH H tính tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/7/2016 là: $19.692.840 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} \times 9\%/\text{năm} = 1.476.000 \text{ đồng}$

Tại thời điểm này thì mức lãi suất cơ bản được quy định theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm.

Xét thấy việc tính lãi của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và phù hợp với **khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005** nên được chấp nhận.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “*Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết*”.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn công ty TNHH H yêu cầu bà L phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là trả cho công ty TNHH H các khoản nợ của ông T là 21.168.000 đồng (gốc là 19.692.840 đồng, lãi phát sinh là 1.476.000 đồng) là có cơ sở để chấp nhận

Thời hạn thanh toán :

Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn yêu cầu trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, kể từ ngày ông T ký xác nhận công nợ đến nay đã lâu mà nguyên đơn vẫn chưa nhận được số tiền trên nên việc nguyên đơn công ty TNHH H yêu cầu trả tiền một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở phù hợp với **Điều 285 Bộ luật dân sự năm 2005** nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên , buộc bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền 21.168.000 đồng (gốc là 19.692.840 đồng, lãi phát sinh là 1.476.000 đồng) cho công ty TNHH H. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà L phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 21.168.000 đồng (gốc là 19.692.840 đồng, lãi phát sinh là 1.476.000 đồng) theo quy định tại Điều 363 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

3. Về án phí: Theo qui định tại khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27.02.2009 về án phí, lệ phí Tòa án . Bà L phải chịu án phí là $21.168.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.058.400 \text{ đồng}$.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho công ty TNHH H.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 96; khoản 1 Điều 131; Điều 227, Điều 238; 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 285; Điều 363, Điều 476 Bộ Luật Dân Sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 688 Bộ Luật Dân Sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/ UBTVQH 12 ngày 27.02.2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Trách nhiệm thanh toán: Buộc bà L có trách nhiệm thanh toán cho công ty TNHH H số tiền là : 21.168.000 đồng (hai mươi một triệu, một trăm sáu mươi tám ngàn đồng) để chấm dứt việc bảo lãnh giữa các bên theo “Giấy bảo lãnh trách nhiệm vật chất và trách nhiệm tài sản ngày 09/7/2014.

Thời hạn thi hành : Trả một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà L phải chịu án phí là 1.058.400 đồng.

- Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 529.200 đồng cho công ty TNHH H theo biên lai thu tiền số 0025483 ngày 14/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chưa trả số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Oánh